

Phụ lục**DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2025***(Kèm theo Kế hoạch số: 405/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

| STT | Tên nhiệm vụ | Năm triển khai | Đơn vị chủ trì | Ghi chú |
|-----------|--|----------------|-------------------------------------|---------|
| I | Nhận thức số | | | |
| 1 | Triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức. | 2025 | Sở Thông tin và Truyền thông (TTTT) | |
| 2 | Triển khai các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số | 2025 | Sở TTTT | |
| II | Thể chế số | | | |
| 3 | Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số | 2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KHĐT) | |
| 4 | Xây dựng chính sách miễn lệ phí, giảm thời gian đối với dịch vụ công trực tuyến | 2025 | Sở TTTT | |
| 5 | Xây dựng chính sách hỗ trợ cho nhân sự chuyên trách chuyển đổi số và an toàn thông tin | 2025 | Sở TTTT | |
| 6 | Xây dựng chính sách hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng trong tham gia hoạt động chuyển đổi số (Bao gồm cả dịch vụ công trực tuyến) | 2025 | Sở TTTT | |
| 7 | Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số | 2025 | Sở KHĐT | |

| | | | | |
|------------|---|-----------|-------------------------------|--|
| 8 | Triển khai nhân rộng Đề án xây dựng mô hình chuyển đổi số cấp huyện | 2024-2025 | UBND cấp huyện | |
| 9 | Sửa đổi bổ sung quy chế dịch vụ công trực tuyến, công bố 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình | 2025 | Sở TTTT | |
| 10 | Bổ sung quy chế thi đua khen thưởng trong hoạt động dịch vụ công trực tuyến | 2025 | Sở TTTT | |
| III | Hạ tầng số | | | |
| 11 | Triển khai cung cấp hạ tầng điện toán đám mây và ảo hóa | 2025 | Sở TTTT | |
| 12 | Xây dựng hệ thống dự phòng nóng hạ tầng dùng chung tỉnh - giai đoạn 2 | 2025 | Văn phòng UBND tỉnh | |
| 13 | Triển khai Hạ tầng cáp quang đến tận thôn/bản | 2025 | Sở TTTT | |
| 14 | Thực hiện Kết nối Internet đến tận hộ gia đình | 2025 | Sở TTTT | |
| 15 | Phổ cập điện thoại di động cho người dân | 2025 | Sở TTTT | |
| IV | Dữ liệu số | | | |
| 16 | Xây dựng chức năng đồng bộ CSDL ngành Giáo dục tỉnh vào CSDL ngành Giáo dục quốc gia | 2025 | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 17 | Số hóa dữ liệu kết quả TTHC, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu hạ tầng cơ bản của các địa phương (ưu tiên dữ liệu liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư) | 2025 | Các Sở, ban ngành, địa phương | |
| 18 | Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia | 2024-2025 | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 19 | Số hoá hồ sơ người có công với cách mạng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | 2024-2025 | Sở LĐTB&XH | |

| | | | | |
|-----------|---|-----------|-------------------------------------|--|
| 20 | Số hóa, tạo lập CSDL GIS về quy hoạch phân vùng chỉ giới di tích - Quản lý quy hoạch | 2024-2025 | Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế | |
| 21 | Số hóa, tạo lập CSDL về hồ sơ di sản/ hồ sơ trùng tu, tôn tạo và phục dựng | 2024-2025 | Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế | |
| 22 | Lập quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động và triển khai số hoá dữ liệu hạ tầng thông tin truyền thông toàn tỉnh | 2025 | Sở TTTT | |
| V | Nền tảng số | | | |
| 23 | Triển khai Nền tảng bản đồ số | 2025 | Sở TTTT | |
| 24 | Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung | 2024-2025 | Sở TTTT | |
| 25 | Triển khai Nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp | 2023-2025 | Sở TTTT | |
| 26 | Triển khai Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước | 2023-2025 | Sở TTTT | |
| 27 | Triển khai Nền tảng Trợ lý ảo | 2023-2025 | Sở TTTT | |
| 28 | Nền tảng Hue-S thúc đẩy tích hợp thông tin, dịch vụ đô thị thông minh | 2024-2025 | Sở TTTT | |
| 29 | Triển khai Nền tảng Hỗ trợ, tư vấn khám chữa bệnh từ xa, Quản lý tiêm chủng | 2022-2025 | Sở Y tế | |
| VI | Nhân lực số | | | |
| 30 | Triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn chuyển đổi số cho CBCCVC | 2025 | Sở TTTT | |
| 31 | Tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CDS, ATTT mạng | 2022-2025 | Sở TTTT | |
| 32 | Tập huấn nghiệp vụ cho các tổ công nghệ số cộng đồng | 2025 | UBND cấp huyện | |

| | | | | |
|------------|---|-----------|------------|--|
| 33 | Xây dựng và triển khai hệ sinh thái nhân lực | 2024-2025 | Sở LĐTB&XH | |
| 34 | Tổ chức các nội dung đào tạo cho người dân, doanh nghiệp về kỹ năng số và sử dụng dịch vụ công trực tuyến | 2025 | Sở TTTT | |
| 35 | Đào tạo Cán bộ vận hành hệ thống, kỹ năng bảo mật và xử lý các sự cố về an toàn, an ninh mạng | 2025 | Sở TTTT | |
| 36 | Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Phần mềm Hệ thống học trực tuyến (đối tượng người dân; cán bộ công chức viên chức) | 2025 | Sở TTTT | |
| VII | An toàn thông tin mạng | | | |
| 37 | Triển khai hệ thống giám sát an toàn an ninh mạng (SOC) cho hạ tầng, hệ thống thông tin toàn tỉnh | 2023-2025 | Sở TTTT | |
| 38 | Hoàn thiện triển khai phân loại, xác định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng | 2025 | Sở TTTT | |
| 39 | Triển khai Hệ thống cảnh báo, giám sát khắc phục về an toàn thông tin cá nhân (cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước) | 2025 | Sở TTTT | |
| 40 | Triển khai Giải pháp phòng chống mã độc tập trung | 2025 | Sở TTTT | |
| 41 | Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin | 2025 | Sở TTTT | |
| 42 | Triển khai giám sát an toàn thông tin mạng | 2025 | Sở TTTT | |
| 43 | Diễn tập, ứng cứu sự cố an toàn thông tin | 2025 | Sở TTTT | |
| 44 | Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp” | 2025 | Sở TTTT | |
| 45 | Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng đặc biệt là phòng, chống lừa đảo trực tuyến | 2025 | Sở TTTT | |

| VIII | Chính quyền số | | | |
|------|--|-----------|--|----------------------------|
| 46 | Tái cấu trúc hệ thống trang thông tin điện tử các cấp | 2023-2025 | Các ngành, các cấp | Các đơn vị chưa triển khai |
| 47 | Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý Cơ sở dữ liệu Di sản Văn thể và Phi vật thể (Giai đoạn 2) | 2024-2025 | Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế | |
| 48 | Xây dựng giải pháp bản đồ cảnh báo ngập lụt cho giao thông trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | 2024-2025 | VP. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh | |
| 49 | Xây dựng phần mềm, triển khai đưa vào sử dụng và đồng bộ Học bạ số của tỉnh vào Kho học bạ số Bộ GDĐT | 2025 | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 50 | Nâng cấp phần mềm quản lý Phương tiện đo nhóm 2 | 2025 | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 51 | Chuyển đổi số trong triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế | 2025 | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 52 | Nâng cấp, sử dụng Hệ thống thông tin doanh nghiệp | 2024-2025 | BQL Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh | |
| 53 | Xây dựng Phần mềm Quản lý thông tin quản lý đối ngoại | 2025 | Sở Ngoại vụ | |
| 54 | Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu trồng trọt - bảo vệ thực vật, chăn nuôi - thú y và thủy lợi | 2024-2025 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| 55 | Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ tỉnh Thừa Thiên Huế | 2024-2025 | Sở Nội vụ | |
| 56 | Nâng cấp phần mềm Quản lý tài sản công tỉnh | 2025 | Sở Tài chính | |
| 57 | Xây dựng phần mềm ứng dụng quản lý, giám sát lộ trình thu gom vận chuyển rác và khối lượng rác thải trên địa bàn tỉnh | 2024-2025 | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 58 | Xây dựng nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử tỉnh | 2025 | Sở Y tế | |

| | | | | |
|-----------|---|-----------|---|--|
| 59 | Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý cây xanh, cảnh quan và mặt nước trên GIS, số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu về cây xanh | 2024-2025 | Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố Đô Huế | |
| 60 | Định danh - triển lãm số 98 cổ vật tại Bảo tàng Cổ vật Cung Đình Huế | 2025 | Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố Đô Huế | |
| IX | Kinh tế số | | | |
| 61 | Xây dựng và triển khai Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số | 2025 | Sở KHĐT, UBND cấp huyện | |
| 62 | Triển khai chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số | 2025 | Sở KH&CN | |
| 63 | Xây dựng ứng dụng thực tế ảo tăng cường AR tại các địa điểm di tích | 2023-2025 | Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế | |
| 64 | Đo lường kinh tế số theo hướng dẫn từ Bộ Thông tin và Truyền thông | 2025 | Sở TTTT | |
| X | Doanh nghiệp số | | | |
| 65 | Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số trong hệ thống Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung tại Thừa Thiên Huế | 2022-2025 | Trung tâm CNTT tỉnh | |
| XI | Xã hội số | | | |
| 66 | Xây dựng ứng dụng di động của Báo Thừa Thiên Huế | 2025 | Báo Thừa Thiên Huế | |
| 67 | Xây dựng Hệ thống quản lý đăng ký học lái xe trực tuyến và thu phí dịch vụ | 2025 | Trường Cao đẳng Huế | |
| 68 | Xây dựng ứng dụng thuyết minh tại các điểm du lịch cho du khách | 2024-2025 | Sở Du lịch | |
| 69 | Tăng cường cấp tài khoản ngân hàng cho người dân trưởng thành | 2024-2025 | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh TT. Huế | |

| | | | | |
|----|--|-----------|---|--|
| 70 | Phổ cập tài khoản DVCTT cho người dân trưởng thành | 2024-2025 | Sở TTTT | |
| 71 | Cấp phát chữ ký số từ xa cho người dân | 2024-2025 | Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số | |
| 72 | Triển khai để mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản | 2024-2025 | Sở TTTT | |
| 73 | Tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế của tỉnh | 2024-2025 | Sở TTTT; các sở ban ngành; địa phương | |
| 74 | Triển khai bệnh án điện tử, bệnh viện thông minh, bệnh viện không giấy tờ | 2021-2025 | Sở Y tế | |
| 75 | Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ, liên thông về lao động, người có công và xã hội trên nền tảng tích hợp, chia sẻ, liên thông dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế | 2023-2025 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | |

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ